

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/KDTM-PT

Ngày: 29/12/2020

“*V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các thẩm phán:

Bà Lưu Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Tấn Đức

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Đức Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:* Ông Nguyễn Văn Ban - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLPT-KDTM ngày 06/11/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”. Do có kháng cáo của bị đơn Công ty T đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2020/KDTM-S ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐPT-KDTM ngày 15/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty S.

Địa chỉ: Số A, phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh Th, bà Trần Thị Thủy T.

Cùng địa chỉ: Phòng B, phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty T.

- Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Châu L.

Cùng địa chỉ: Số A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Quá trình tham gia tổ tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 21/01/2020, Công ty S ký Hợp đồng lữ hành trong nước số 01293-2020/SBM-DLND với Công ty T. Theo thỏa thuận, Công ty S là đơn vị tổ chức chương trình tham quan B - Đ - H 03 ngày 03 đêm từ ngày 26/01/2020 đến ngày 29/01/2020, số lượng người tham gia 33 người lớn và 04 trẻ em cho Công ty T, giá trị Hợp đồng tạm tính là 145.250.000 đồng. Công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S thành 02 đợt, đợt 1 thanh toán 50% giá trị Hợp đồng, tương đương với số tiền là 75.625.000 đồng, đợt 2 trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Công ty T nhận được hóa đơn VAT từ Công ty S. Ngày 22/01/2020 Công ty T đã thanh toán cho Công ty S số tiền 50.000.000 đồng. Cùng ngày 22/01/2020 Công ty T gửi thông báo cho Công ty S về việc điều chỉnh số lượng người tham gia chương trình là 28 người lớn và 08 trẻ em. Công ty S đồng ý và không yêu cầu Công ty T thanh toán chi phí do việc giảm số lượng khách người lớn tham gia chương trình như quy định trên. Ngày 26/01/2020, số lượng người đi tham quan du lịch thực tế là 23 người lớn và 07 trẻ em. Trước đó, Công ty T không có bất kỳ thông báo nào đến Công ty S về việc điều chỉnh số lượng người tham gia này. Ngày 29/02/2020, Công ty S gửi Hóa đơn giá trị gia tăng và Biên bản thanh lý Hợp đồng cho Công ty T. Ngày 09/3/2020, Công ty T nhận được Hóa đơn và Biên bản thanh lý. Theo đó, Công ty T còn có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền 82.800.000 đồng. Công ty S đã nhiều lần liên hệ với Công ty T yêu cầu thanh toán nhưng không nhận được sự hợp tác của Công ty T. Nay Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán tiền dịch vụ gồm tiền nợ gốc 82.800.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 09/3/2020 cho đến khi vụ việc này được cơ quan có thẩm quyền giải quyết xong (*tạm tính từ ngày 09/3/2020 đến ngày 19/8/2020*) là $82.800.000 \text{ đồng} \times 9\% / 365 \text{ ngày} \times 164 \text{ ngày} = 3.348.296 \text{ đồng}$, tiền phạt vi phạm do chậm thanh toán là $82.800.000 \text{ đồng} \times 8\% = 6.624.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng 92.772.296 đồng. Ngày 7/9/2020 Công ty S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc tương đương 59.975.000 đồng, chỉ yêu cầu Công ty T trả số tiền nợ 22.825.000 đồng, lãi phạt 6.624.000 đồng và lãi chậm thanh toán 3.623.169 đồng.

**** Quá trình tham gia tổ tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Từ khi ký kết hợp đồng, kế toán Công ty T (bà Đặng Thị L và bà Nguyễn Thị P) trực tiếp làm việc với Công ty S và báo cáo với giám đốc là hợp đồng chỉ được ký kết khi Công ty T thanh toán tối thiểu 50.000.000 đồng, sau khi kết thúc chương trình tham quan du lịch, căn cứ số lượng người tham gia thực tế để tính tiền. Người đứng đầu Công ty T là ông Trần Hải H - Giám đốc, không gặp được đại diện Công ty S để trao đổi, đối chiếu, góp ý. Căn cứ khoản 4.2 điều 4 của Hợp

đồng “Sau khi kết thúc chương trình tham quan du lịch lễ hành, căn cứ vào phiếu xác nhận thực tế được ký bởi người đại diện hoặc trưởng đoàn của Công ty T và hướng dẫn viên du lịch của Công ty S, hai bên sẽ tiến hành ký biên bản thanh lý hợp đồng”. Tuy nhiên, Công ty T không hề nhận được phiếu và ký phiếu xác nhận, cũng như ký biên bản thanh lý hợp đồng. Công ty T chỉ đồng ý thanh toán số tiền theo số lượng người tham gia chương trình thực tế là 23 người lớn và 07 trẻ em. Thời điểm Công ty T tham gia Tour là vào mùa dịch Covid -19 nhưng Công ty S không hề có bất kì thông báo, hướng dẫn, cảnh báo hay trang bị các biện pháp phòng dịch nào. Về ăn uống, ngoài 01 bữa Buffet tại Bà Nà và 01 bữa cơm lúc về trên đường mòn Hồ Chí Minh, các bữa ăn còn lại không đạt chất lượng, Công ty T phải đưa nhân viên ra ngoài ăn. Ngày 27/8/2020 Công ty T đã thanh toán cho Công ty S số tiền 59.975.000 đồng. Như vậy, Công ty T đã thanh toán xong cho Công ty S tổng số tiền 109.975.000 đồng (Tương ứng với số người đi thực tế đi là 23 người lớn và 7 trẻ em). Nay Công ty S khởi kiện thì Công ty T không đồng ý.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2020/KDTM-S ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Áp dụng Điều 513, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật dân sự; Điều 74, 82, 86, 87, 306 Luật Thương mại; Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Công ty S. Buộc Công ty T trả cho Công ty S 19.216.524 đồng (trong đó 15.950.000 đồng tiền gốc và 3.266.524 đồng tiền lãi). Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/10/2020 bị đơn Công ty T kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do các bên chưa ký biên bản thanh lý hợp đồng, công ty không vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên không phải chịu lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và nội dung đã kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 21/01/2020 Công ty S và Công ty T ký kết hợp đồng lễ hành tổ chức tham quan du lịch B - Đ - H cho 33 người lớn và 04 trẻ em. Ngày 22/01/2020 Công ty T thông báo điều chỉnh số lượng người đi tham quan du lịch xuống còn 28 người lớn và 08 trẻ em. Ngày 26/01/2020 xuất phát đi tham quan du lịch, số lượng là 23 người lớn và 07 trẻ em, giảm số lượng người đi là 05 người lớn và 01 trẻ em. Việc Công ty T giảm số lượng người đi tham quan du lịch không

thông báo cho Công ty S biết là vi phạm Điều 05 của Hợp đồng lữ hành nên Công ty T phải chịu 70% chi phí dịch vụ đối với số lượng người giảm này. Ngày 09/3/2020 Công ty T nhận được hóa đơn VAT nhưng chậm thanh toán tiền là vi phạm Điều 8 của Hợp đồng lữ hành nên phải chịu tiền lãi chậm trả và lãi phạt. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty T phải thanh toán 70% chi phí dịch vụ đối với 05 người lớn, 01 trẻ em, tiền chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 74, 82, 86, 87, 306 Luật Thương mại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm Công ty T phải thanh toán chưa chính xác nên dẫn đến việc tính toán tiền lãi chậm trả chưa đúng, cụ thể từ ngày 09/3/2020 đến ngày 27/8/2020 là 3.264.775 đồng ($75.925.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 172 \text{ ngày}$), từ ngày 27/8/2020 đến ngày 24/9/2020 là 115.637 đồng ($15.950.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 29 \text{ ngày}$), tổng số tiền lãi phải thanh toán là 3.380.412 đồng. Tuy nhiên, số tiền lãi này Công ty S không kháng cáo nên không có căn cứ xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty T trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của Công ty T, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng Lữ hành trong nước số 01293-2020/SBM-DLND ngày 21/01/2020 giữa Công ty S với Công ty T được các bên tự nguyện thỏa thuận ký kết bằng văn bản, phù hợp với quy định của Điều 74 Luật Thương mại nên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng lữ hành thể hiện Công ty S là đơn vị tổ chức chương trình tham quan B - Đ - H 03 ngày 03 đêm, thời gian từ ngày 26/01/2020 đến ngày 29/01/2020, số lượng người tham gia 33 người lớn và 04 trẻ em cho Công ty T, giá trị Hợp đồng tạm tính 145.250.000 đồng. Ngày 22/01/2020 Công ty T thông báo cho Công ty S về việc điều chỉnh số lượng người tham gia du lịch còn lại 28 người lớn và 08 trẻ em, tương ứng số tiền là 132.800.000 đồng, việc điều chỉnh được Công ty S chấp thuận. Ngày 26/01/2020 Công ty T đi tham quan du lịch với số lượng 23 người lớn và 07 trẻ em. Việc Công ty T giảm số lượng 05 người lớn và 01 trẻ em không thông báo cho Công ty S vi phạm khoản 5.1 Điều 5 của hợp đồng dịch vụ, Điều 519 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 85 Luật thương mại. Quá trình

thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thanh toán cho Công ty S thành 02 đợt, đợt 1 ngày 22/01/2020 là 50.000.000 đồng, đợt 2 ngày 27/8/2020 là 59.975.000 đồng, tổng cộng là 109.975.000 đồng, tương ứng với 23 người lớn và 07 trẻ em

- Về số tiền phải trả: Do Công ty T không thông báo cho Công ty S về việc thay đổi số lượng người tham quan du lịch là vi phạm hợp đồng, nên phải thanh toán tiền chi phí dịch vụ phát sinh đối với 05 người lớn và 01 trẻ em. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S 70% chi phí dịch vụ của 05 người lớn và 01 trẻ em = 15.950.000 đồng (05 người lớn x 4.150.000 đồng/người x 70% phí dịch vụ + 01 trẻ em 1 x 2.075.000 đồng/người x 70% phí dịch vụ) là phù hợp với Điều 85, Điều 86 Luật Thương mại.

- Về tiền lãi phải trả:

+ Về số tiền phải chịu lãi suất chậm trả: Quá trình tham gia tố tụng, Công ty T thừa nhận ngày 09/3/2020 nhận được Hóa đơn giá trị gia tăng số 0022732 ngày 29/02/2020 của Công ty S, số tiền thanh toán cho 28 người lớn và 08 trẻ em 132.800.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ khi nhận được hóa đơn đến ngày 27/8/2020 Công ty T mới thanh toán số tiền 59.975.000 đồng cho Công ty S là vi phạm Điều 4 Hợp đồng lữ hành trong nước mà hai bên đã ký kết. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 8 của Hợp đồng lữ hành nên phải chịu lãi suất chậm trả. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty T phải chịu lãi suất chậm trả trên khoản tiền 75.925.000 đồng là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại.

+ Về thời gian phải chịu lãi suất chậm trả: Tại khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng lữ hành thể hiện “Sau 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Công ty T nhận được hóa đơn tài chính VAT của Công ty S nhưng Công ty T chưa thanh toán dứt điểm thì Công ty T phải chịu thêm tiền lãi trên tổng số tiền chậm trả, tính theo lãi suất trả chậm của Ngân hàng Vietcombank Đắc Lắc vào thời điểm thanh toán nhưng không được trễ hạn thanh toán quá 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hóa đơn). Nếu trễ hạn thanh toán quá 15 ngày làm việc, ngoài việc tính lãi suất trả chậm Công ty T đồng thời phải chịu phạt 0,5% cho mỗi ngày chậm trả tính trên tổng giá trị thanh toán trễ hạn còn lại”. Công ty T thừa nhận ngày 09/3/2020 nhận được Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty S. Tuy nhiên, sau 07 ngày kể từ ngày 09/3/2020 Công ty T không thanh toán tiền còn nợ cho Công ty S nên phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền 75.925.000 đồng tính từ ngày 16/3/2020. Ngày 27/8/2020 Công ty T trả 59.975.000 đồng, còn nợ lại 15.950.000 đồng nên phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền 15.950.000 đồng kể từ ngày 27/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất chậm trả kể từ ngày 09/3/2020 là chưa phù hợp, nên cần tính toán lại cho phù hợp, cụ thể:

Từ ngày 16/3/2020 đến ngày 27/8/2020 là: 75.925.000 đồng X 0,75%/tháng x 165 ngày = 3.131.906 đồng.

Từ ngày 27/8/2020 đến ngày 24/9/2020 là: 15.950.000 đồng x 0,75%/tháng x 29 ngày = 115.637 đồng.

Tổng số tiền lãi phải thanh toán là: 3.247.543 đồng.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 13/2020/KDTM-S ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về khoản tiền lãi chậm trả.

Đối với số tiền phạt vi phạm do Công ty S không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn Công ty T. Sửa Bản án sơ thẩm số 13/2020/KDTM-S ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng Điều 513, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật dân sự; Điều 74, 82, 86, 87, 306 Luật thương mại; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Công ty S. Buộc Công ty T trả cho Công ty S số tiền 19.197.543 đồng (Trong đó 15.950.000 đồng tiền gốc và 3.247.543 đồng tiền lãi).

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty S về việc buộc Công ty T phải trả số tiền gốc 6.875.000 đồng, lãi phạt 6.624.000 đồng và lãi chậm thanh toán 375.626 đồng. Tổng cộng phần bị bác đơn là 13.874.626 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty S về việc buộc Công ty T phải trả số tiền 59.975.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

- Công ty T phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo biên lai số AA/2019/0013122 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Công ty T còn phải nộp số tiền 1.000.000 đồng.

- Công ty S phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số: AA/2019/0012615 ngày 30/7/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp.Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung